

Bản án số 85/2023/HS-PT

Ngày 20-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Trần Quang Minh;

ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 822/2022/TLHS-PT ngày 06 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Quang T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 36/2022/HS-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo kháng cáo:

Phạm Quang T sinh ngày 21-4-1987; trú tại: thôn Đ, xã P, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Vũ Thị N; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; có mặt.

- Người bị hại: Công ty TNHH K; địa chỉ: lô CN06-8, KCN Bình Xuyên II, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị: Nguyễn Văn V, Đoàn Văn B và Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Công ty TNHH K được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 4383405361 ngày 07/9/2016 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500570883 ngày 08/9/2016, trụ sở của Công ty có địa chỉ tại Lô CN06- 8, KCN Bình Xuyên II, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật là ông Park Si Woo sinh năm 1959, quốc tịch Hàn Quốc. Ngành nghề kinh doanh: sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử. Quá trình hoạt động tại Việt Nam, Công ty K đã tuyển các công nhân là người Việt Nam

vào làm việc, trong đó có Nguyễn Văn V và Đoàn Văn B, được Công ty K, tuyển vào làm công nhân tại kho nguyên vật liệu (kho LCD và kho OLED) từ tháng 05/2017.

Từ tháng 01/2020, Công ty K được Công ty KOREA COMPUTER INC (Công ty mẹ) có địa chỉ tại Hàn Quốc xuất cho một số đơn hàng là linh kiện điện tử để hoàn thiện theo đơn hàng của các công ty đối tác, trong đó có linh kiện là các chip IC, mã vật tư 1203- 008517, mỗi cuộn linh kiện có 2.500 con chip IC, được cuốn xung quanh 01 khay nhựa hình tròn có đường kính 32 cm, kèm theo 01 túi hút ẩm và được bọc giấy bạc màu trắng. Số linh kiện này sau khi nhập về Công ty K đã được các công nhân của Công ty K xếp lên các giá kim loại ở trong kho LCD. Theo dây chuyền sản xuất thì bộ phận của xưởng sản xuất cần đến các linh kiện nào sẽ theo đơn đến kho nguyên vật liệu (LCD) để lấy linh kiện. Căn cứ vào yêu cầu, công nhân của kho LCD sẽ sử dụng thiết bị đọc mã vạch kết nối với máy chủ của công ty để quét (Scan) mã vạch trên mỗi cuộn linh kiện để xuất sang bộ phận sản xuất. Để quản lý, mỗi công nhân của Công ty K sẽ được cấp một mã ID và mật khẩu sử dụng trong quá trình đăng nhập vào hệ thống, sử dụng mạng máy tính của công ty trong việc xuất, nhập hàng hóa. Trong quá trình làm việc tại kho LCD, V đã phát hiện sơ hở trong việc xuất hàng từ kho nguyên vật liệu LCD đến xưởng sản xuất SMT của công ty, đó là các mã ID của các nhân viên sẽ không được thoát ra, người này có thể dùng chung với người khác, các mã linh kiện khi được Scan trên hệ thống sẽ báo đã xuất khỏi kho, còn bộ phận sản xuất có đưa vào sản xuất không hoặc hoàn trả lại thì công nhân của kho sẽ không scan lại để nhập vào hệ thống. V đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của công ty K đem ra ngoài bán lấy tiền. Trong lúc làm việc tại kho LCD, lợi dụng các công nhân khác không để ý, V sử dụng điện thoại chụp ảnh các mã linh kiện có ở trong kho LCD, bao gồm cả cuộn linh kiện chip IC có mã vật tư 1203-008517. Sau khi chụp ảnh, V tìm kiếm trên mạng xã hội để tìm người mua các linh kiện điện tử này. V thấy có số điện thoại 0948 389 922 đăng tải thông tin mua các linh kiện điện tử. V gửi ảnh các mã linh kiện điện tử có trong kho LCD và người mua đồng ý mua các cuộn linh kiện chip IC có mã vật tư 1203-008517 của V. Sau khi tìm được người tiêu thụ, V rủ Đoàn Văn B cùng trộm cắp tài sản ở trong kho LCD của Công ty K đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau. V và B bàn bạc, thống nhất trong thời gian các công nhân trong kho LCD nghỉ đi ăn cơm sẽ cùng nhau trộm cắp các cuộn linh kiện chip IC mã vật tư 1203-008517 và sử dụng thiết bị quét mã vạch để xác nhận trên hệ thống máy tính là đã xuất hàng cho bộ phận sản xuất SMT nhằm mục đích tránh bị công ty phát hiện mất tài sản. Sau khi lấy được tài sản sẽ để các cuộn linh kiện này vào 01 thùng carton rồi cất giấu tại cửa kho LCD (Nơi xuất, nhập hàng vào kho và tập kết rác). Sau đó, nhờ các lái xe ô tô chở hàng cho Công ty đến vận chuyển rác ra khu tập kết rác của công ty, kèm theo thùng linh kiện trộm cắp được đem ra khỏi công ty. V chờ ở ngoài nhận hàng và đem đi tiêu thụ.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, từ ngày 24/6/2020 đến ngày 08/8/2020, Nguyễn Văn V, Đoàn Văn B và các bị cáo khác đã thực hiện 04 vụ

trộm cắp tài sản tại Công ty K, chiếm đoạt được 20 cuộn linh kiện B 47.997 con chip IC, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: buổi trưa ngày 24/6/2020, Đoàn Văn B gặp Phạm Quang T là lái xe của Công ty K tại khu nghỉ giải lao của công nhân. B nhờ T buổi chiều đến trước cửa kho LCD để chở rác ra khu tập kết rác và chở cho B thùng hàng lỗi ra cho V. T biết thùng hàng B nhờ vận chuyển ra khỏi công ty là hàng hóa của công ty K và không được vận chuyển ra ngoài nhưng T nghĩ không ai phát hiện nên đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, trong khi làm việc, B thấy các công nhân trong kho LCD không có mặt nên đã đi đến giá để các linh kiện của công ty trộm cắp 04 cuộn linh kiện chip IC có mã vật tư 1203-008517 (mỗi cuộn có 2.500 con chip IC) và đem đến bàn máy tính có mã ID 170960 của Trần Văn P, sinh năm 1985, trú tại xã Đ, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (làm tại kho LCD từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2018), rồi dùng thiết bị quét mã vạch thể hiện việc xuất hàng cho bộ phận sản xuất SMT. Thực hiện xong, B cho 04 cuộn linh kiện vào 01 thùng catton dán kín lại, đem ra cất giấu tại khu tập kết rác trước cửa kho LCD và đợi T đến đem ra ngoài. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô tải thùng kín BKS: 88LD - 006.52 đến trước cửa kho LCD gặp B. Thấy T điều khiển xe đến, B mở cửa kho để cho T lùi xe ô tô tải vào sát cửa kho rồi bốc rác lên thùng xe ô tô, bốc xong rác B đem hộp catton đựng 04 cuộn linh kiện mà B trộm cắp được đặt lên cabin phía bên phụ xe để T vận chuyển ra khỏi công ty giao cho V. Sau đó cả hai đi đến bãi tập kết phế liệu phía sau công ty và cho rác từ thùng xe xuống khu tập kết. Xong việc, B đi bộ về kho LCD còn T điều khiển xe ô tô vào lấy hàng chở đi giao cho Công ty Samsung Bắc Ninh, kèm theo thùng linh kiện mà B trộm cắp được đi ra khỏi công ty K. Khi qua cổng bảo vệ, T chỉ đưa các giấy tờ liên quan hàng hóa chở phía sau thùng xe nhưng không kê khai thùng catton chứa các cuộn linh kiện do B trộm cắp được nên bảo vệ của công ty là ông Đỗ Trảng H, sinh năm 1961, trú tại phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc trực ở cổng không phát hiện tài sản của công ty bị trộm cắp. Khi ra khỏi Công ty K, T gọi điện cho V hẹn gặp để giao tài sản trộm cắp được của Công ty K thì V hẹn gặp tại cầu Tranh thuộc xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên. Khi đến nơi T thấy V đã đợi sẵn. T đưa V thùng linh kiện do B trộm cắp được của Công ty rồi tiếp tục đi giao hàng. Sau khi nhận thùng linh kiện, V đã liên lạc với người mua thông qua số điện thoại 0948 389 922. V khai nhận là người này hẹn gặp tại đầu đường 100 thuộc xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên. Tại đây, V gặp 01 người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ, thông qua việc thỏa thuận từ trước, V đã bán 04 cuộn linh kiện có mã vật tư 1203-008517 được số tiền là 4.000.000 đồng (1.000.000đ/cuộn). Sau đó, V gặp B ở trong Công ty K và chia cho B 2.000.000 đồng, chia cho T 300.000 đồng, còn V hưởng số tiền 1.700.000 đồng.

Vụ thứ hai: V cùng B bàn nhau tiếp tục thực hiện trộm cắp tài sản của Công ty và nhờ T vận chuyển ra ngoài nhưng T biết các tài sản này do B và V trộm cắp của Công ty, T sợ nếu tiếp tục vận chuyển ra sẽ bị Công ty phát hiện nên không đồng ý giúp B, V vận chuyển ra ngoài nữa. Tuy nhiên, để có tiền V và B bàn nhau tiếp tục trộm cắp tài sản của công ty K. Để tránh bị công ty phát

hiện, V và B thống nhất trộm cắp các cuộn linh kiện có mã 1203-008517 và giấu ở khu hành lang phía sau kho LCD. Sau đó, bóc bỏ lớp giấy bạc bọc ngoài cuộn linh kiện có in mã vạch để chia thời gian bán mã vạch cách nhau về mặt thời gian. Còn phần khay nhựa có chứa các linh kiện thì V, B cho vào thùng catton dán kín rồi chờ tìm người lái xe ô tô chở hàng cho công ty để nhờ chở ra khỏi Công ty. Với cách thức như trên, đầu tháng 7/2020, V và B đã trộm cắp 07 cuộn linh kiện chip IC mã vật tư 1203-008517 bên trong mỗi cuộn có 2.500 con chip IC. Để che giấu hành vi trộm cắp của mình trong các ngày từ ngày 12/7/2020 đến ngày 24/7/2020, V và B đã sử dụng thiết bị quét mã vạch có ID 170960 của Trần Văn P để scan lên hệ thống thẻ hiện đã xuất hàng từ kho LCD sang bộ phận sản xuất SMT. Sau đó V và B cho 07 cuộn linh kiện trộm cắp được vào thùng catton rồi cất giấu ở khu tập kết rác tại cửa kho LCD và trao đổi với Nguyễn Văn T là lái xe ô tô tải BKS: 29H - xxx.06 của Công ty TNHH A T, địa chỉ: phố Phan Văn Trường, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Công ty vận chuyển hàng hóa thuê cho Công ty K), đến chở rác tại cửa kho LCD để đem số linh kiện điện tử mà V, B trộm cắp được ra ngoài công ty. Khoảng 18 giờ ngày 14/7/2020, T điều khiển xe ô tô tải BKS: 29H - xxx.06 đến cửa kho LCD, tại đây sau khi cho rác lên thùng xe, V và B nhờ T vận chuyển thùng catton bên trong đựng 07 cuộn linh kiện trộm cắp được chở ra khỏi công ty đến vòng xuyến KCN Bình Xuyên II giao lại cho V. T biết đây là hàng hóa do V và B trộm cắp của công ty K nhưng vẫn đồng ý chở hàng. Để không bị bảo vệ của công ty phát hiện ra, T bảo B cho vào trong thùng nhựa màu xanh ở trong thùng xe rồi đi ra ngoài công ty giao cho V. Sau khi nhận 07 cuộn linh kiện, V khai đã liên hệ bán cho 01 người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 7.000.000 đồng. Số tiền này V chia cho B 3.000.000 đồng, chia cho T số tiền là 300.000 đồng, còn lại V hưởng lợi số tiền 3.700.000 đồng.

Vụ thứ ba: sau khi trộm cắp được tài sản của công ty K nêu trên V và B vẫn sử dụng cách thức này để trộm cắp được 04 cuộn linh kiện chip IC mã vật tư 1203-008517, mỗi cuộn có 2.500 con chip IC rồi giấu ở phía sau công ty. Đến chiều ngày 26/7/2020, V và B đã sử dụng ID số 170960 của Trần Văn P để scan mã vạch của 04 cuộn linh kiện trộm cắp được trên hệ thống máy chủ của Công ty K. Đến ngày 28/7/2020, Nguyễn Văn T vào công ty giao hàng xong đi đến cửa kho LCD để gặp B và V. Tại đây B đem thùng catton chứa 04 cuộn linh kiện trộm cắp được cho vào thùng nhựa màu xanh ở trên thùng xe ô tô tải BKS: 29H - xxx.06 để T vận chuyển ra khỏi công ty K. Khi đến vòng xuyến KCN Bình Xuyên II, T giao 04 cuộn linh kiện chip IC mã vật tư 1203-008517 đựng trong thùng catton cho V. V khai nhận đem đi bán cho 01 người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ được số tiền là 4.000.000 đồng. Số tiền này V chia cho B 2.000.000 đồng, chia cho T 300.000 đồng và V được hưởng số tiền còn lại là 1.700.000 đồng.

Vụ thứ tư: từ ngày 27/7/2020 đến ngày 01/8/2020, V và B tiếp tục sử dụng ID số 170960 của Trần Văn P để trộm cắp 05 cuộn linh kiện chip IC mã vật tư 1203-008517, trong đó 04 cuộn còn nguyên vẹn chưa sử dụng, 01 cuộn đã

sử dụng còn lại 497 con chip IC, tổng số là 10.497 con chip IC. Sau khi trộm cắp được tài sản, ngày 08/8/2020 với mục đích đem số linh kiện điện tử đã trộm cắp được ra khỏi công ty K nhưng hôm đó Nguyễn Văn T nghỉ không vận chuyển hàng đến Công ty K. Theo V khai báo: V đã liên hệ với Nguyễn Minh N là lái xe ô tô BKS: 88LD - xxx.94 của Công ty TNHH T, địa chỉ: KCN Bình Xuyên II, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (Công ty T là công ty bán hàng băng dính cho Công ty K) là người thường chở hàng đến giao cho công ty K mà V đã quen biết từ trước để nhờ N vận chuyển rác và để vận chuyển tài sản trộm cắp được ra khỏi công ty. Sau khi liên hệ với N, do bận việc, V đưa cho B số tiền 500.000 đồng để B đưa cho N để nhờ N vận chuyển số linh kiện điện tử trộm cắp được ra ngoài công ty. Sau đó, do V bận làm việc ở trong công ty, không ra nhận lại số tài sản trộm cắp được nên nhờ B đi ra nhận hộ. Lúc này B nghỉ làm ở trong công ty để ra khu vực cầu Tranh, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên nhận thùng carton có chứa 5 cuộn chip IC mã số 1203-008517 từ N rồi giao lại cho V đi bán cho 01 người nam giới không rõ tên, tuổi, địa chỉ được số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền này V chia cho B 2.000.000 đồng, còn lại chiếm hưởng số tiền là 3.000.000 đồng.

Đến ngày 24/8/2020, Công ty K N hành đối chiếu, kiểm kê hàng hóa trong kho thì phát hiện chênh lệch giữa số lượng chip IC mã 1203-008517 xuất khỏi kho LCD với số lượng chip IC mã 1203-008517 của bộ phận sản xuất SMT nên đã làm đơn trình báo Công an huyện Bình Xuyên. Sau khi tiếp nhận tin báo của Công ty K, Công an huyện Bình Xuyên đã tổ chức điều tra theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 94/KL -HĐĐGTS ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bình Xuyên xác định: 01 con chip IC linh kiện điện tử, mã vật tư 1203-008517 có giá trị là 19.503 đồng; 47.997 con chip IC linh kiện điện tử, mã vật tư 1203 - 008517 có trị giá là 936.085.000 đồng.

Ngày 17/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định trích xuất dữ liệu lịch sử cuộc gọi, tin nhắn zalo và lịch sử truy cập trang Web liên quan “linh kiện điện tử” là địa chỉ theo bị cáo trình bày đã tìm kiếm, lấy thông tin liên lạc trao đổi mua bán các linh kiện do bị cáo V cùng đồng bọn trộm cắp được từ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus tạm giữ của Nguyễn Văn V. Kết quả trích xuất được 01 cuộc gọi zalo, 09 tin nhắn ứng dụng zalo nhưng không có cuộc gọi, tin nhắn với Nguyễn Minh N và trích xuất được 02 trang web nhưng không có trang web “linh kiện điện tử” như bị cáo khai báo.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định trích xuất dữ liệu lịch sử cuộc gọi, tin nhắn zalo và lịch sử truy cập trang Web liên quan “linh kiện điện tử” từ chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X tạm giữ của Đoàn Văn B. Kết quả trích xuất được 686 cuộc gọi (Cuộc gọi điện thoại, cuộc gọi ứng dụng mạng xã hội); 04 tin nhắn điện thoại; 04 tin nhắn iMessage, 8201 tin nhắn

Facebook Messenger; 18078 tin nhắn zalo và lịch sử truy cập web gồm 1242 địa chỉ nhưng không có tin nhắn, cuộc gọi nào với Nguyễn Minh N.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 của Nguyễn Minh N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định trích xuất dữ liệu lịch sử cuộc gọi, tin nhắn zalo. Kết quả đã trích xuất được 1058 cuộc gọi qua ứng dụng zalo, 317 tin nhắn văn bản và 15388 tin nhắn ứng dụng zalo nhưng không có tin nhắn, cuộc gọi qua ứng dụng zalo nào giữa Nguyễn Minh N với Đoàn Văn B và Nguyễn Văn V.

Ngày 14/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc trưng cầu giám định 02 ổ cứng công ty K giao nộp để trích xuất dữ liệu thời gian xuất hiện các xe ô tô BKS: 88LD- xxx.52 do Phạm Quang T điều khiển ngày 24/6/2020; xe ô tô BKS: 29H- 320.06 do Nguyễn Văn T điều khiển trong các ngày 14/7/2020 và 28/7/2020; xe ô tô BKS: 88LD- 01194 do Nguyễn Minh N điều khiển ngày 08/8/2020. Kết quả Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh đã trích xuất được 24 tệp tin video với tổng dung lượng là 10.74GB được lưu trữ vào 04 đĩa DVD.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh phúc đã ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín đối với các số điện thoại gồm 097756yyyy của Nguyễn Văn V, 033561yyyy của Đoàn Văn B, 091762yyyy của Nguyễn Minh N. Căn cứ các văn bản trả lời của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội và Tổng công ty hạ tầng mạng VNPT nét xác định trong thời gian từ 01/8/2020 đến ngày 08/8/2020, không có cuộc gọi nào giữa V, B với N.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín đối với số điện thoại 0948 389 922. Kết quả tổng công ty hạ tầng mạng VNPT net, xác định số điện thoại trên được kích hoạt từ ngày 16/12/2013, thông tin chủ thuê bao là Tạ Thị H, sinh năm 1995, quê quán xã Nga My, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên hiện sinh sống tại địa chỉ thôn Đại Tân, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, chị H khai không cho ai mượn chứng minh số 09192zzz để đăng ký thông tin số thuê bao này và không thừa nhận số điện thoại trên là của chị H. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc không có căn cứ để xử lý đối với Tạ Thị H.

Đối với Nguyễn Minh N là lái xe của Công ty T, là công ty cung cấp hàng hóa cho Công ty K. Khi có đơn hàng và được Công ty T giao, N sẽ điều khiển xe ô tô vận chuyển hàng vào Công ty K để giao hàng. Do vậy, N có quen biết Nguyễn Văn V và Đoàn Văn B và đã giúp V, B chở rác từ kho LCD ra bãi rác của công ty K. N khai nhận, ngày 08/8/2020, V nhờ N chở rác hộ. N đồng ý và điều khiển xe ô tô BKS: 88LD - xxx.94 đi vào Công ty K. Khi vào Công ty K, N không gặp được V mà chỉ gặp B đang làm tại kho LCD của Công ty K. Do không gặp V nên N điều khiển xe ô tô ra về và không vận chuyển hàng hóa gì từ công ty K ra ngoài. Quá trình điều tra, V và B khai đã trộm cắp 05 cuộn linh kiện điện tử, mã 1203- 008517, sau đó nhờ N vận chuyển ra ngoài nhưng không nói

cho N biết đó là tài sản do V, B trộm cắp được của Công ty K. Cơ quan điều tra đã N hành các hoạt động điều tra xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi của N. Kết quả xác định ngoài lời khai B thuê N là người vận chuyển 05 cuộn linh kiện ra khỏi công ty K thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định N là người vận chuyển tài sản ra ngoài Công ty K. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý N trong vụ án này.

Đối với Trần Văn P là công nhân của Công ty K có ID số 170960. Quá trình điều tra xác định B, V sử dụng ID của P để scan các cuộn linh kiện điện tử mà V và B trộm cắp của Công ty K. P không được B, V bàn bạc, trao đổi gì, không biết về hành vi trộm cắp của V và B. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với P.

Đối với đối tượng mua các linh kiện điện tử do Nguyễn Văn V và Đoàn Văn B trộm cắp được của Công ty K, Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không xác định được danh tính người này. Do đó, không có căn cứ để điều tra, xử lý đối với người này.

Ngày 24/8/2020, Công ty K có đơn trình báo cơ quan điều tra về việc công ty bị trộm cắp 47.997 con chip IC mã 1203- 008517, kèm theo là bảng kê lịch sử xuất, nhận mã linh kiện này tại kho LCD và bộ phận sản xuất SMT, kết quả đối chiếu xác định số lượng linh kiện điện tử chip IC có mã 1203- 008517 bị mất phù hợp với đơn trình báo và phù hợp với thời gian, số lượng linh kiện mà V, B đã lấy trộm như nêu trên.

Ngoài ra, ngày 23/9/2020 Công ty K tiếp tục có đơn trình báo bổ sung về việc bị trộm cắp các linh kiện chip IC có mã 1203-008517 bị mất 5.154 con chip IC có mã 0406- 001686 bị mất 1.106.494 con; chip IC có mã 1107- 002472 bị mất 152.246 con, chip IC có mã 3708- 002844 bị mất 321.327 con, chip IC có mã 3708- 003284 bị mất 58.306 con. Cơ quan điều tra đã N hành điều tra, xác minh nhưng đến nay không có căn cứ xác định Nguyễn Văn V, Đoàn Văn B, Phạm Quang T và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp số linh kiện điện tử này của Công ty. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về bồi thường dân sự:

Công ty K đề nghị các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản theo đơn giá mà Công ty đã trình báo, gồm 47.997 con chip IC mã 1203- 008517 là 936.085.000 đồng và số tiền 4.252.272.078 đồng cho các mã chip IC khác theo đơn trình báo bổ sung ngày 23/9/2020. Căn cứ kết quả điều tra xác định Nguyễn Văn V, Đoàn Văn B, Nguyễn Văn T và Phạm Quang T đã thực hiện trộm cắp 47.997 chip IC mã 1203- 008517 có trị giá là 936.085.000 đồng. Đối với số tiền Công ty K yêu cầu bồi thường số tiền là 4.252.272.078 đồng cho các mã trình báo bổ sung sẽ được Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau. Do đó cần buộc V, B, T, T phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho công ty K số tiền 936.085.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn V, Đoàn Văn B đã tác động gia đình tự nguyện nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 35.000.000 đồng. Trong đó gia đình V giao nộp 20.000.000 đồng, gia đình B giao nộp 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Công ty K.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 600.000 đồng, Phạm Quang T tự nguyện giao nộp số tiền 300.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Công ty K.

Tại Cáo trạng số 93/CT-VKS-P1 ngày 30-11-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, trong đó Phạm Quang T bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự về hành vi chiếm đoạt 10.000 con chip IC, tổng trị giá là 195.030.000 đồng.

Tại Bản án số 36/2022/HS-ST ngày 20-5-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt Phạm Quang T 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

(Nguyễn Văn V bị kết án 12 năm tù, Đoàn Văn B bị kết án 09 năm tù và Nguyễn Văn T bị kết án 08 năm tù, đều về tội “Trộm cắp tài sản”).

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; các điều 587 và 589 Bộ luật dân sự, buộc Phạm Quang T, Nguyễn Văn V và Đoàn Văn B liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 195.030.000 đồng, trong đó Phạm Quang T phải bồi thường 63.188.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự khác đối với các bị cáo V, B và T, về xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30-5-2022, bị cáo Phạm Quang T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, lí do: hoàn cảnh gia đình khó khăn, hai con còn nhỏ; bố mẹ bệnh tật, sức khỏe yếu; bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp 02 lần tại Cục Thi hành án, tổng số là 66.547.000 đồng, bao gồm: tiền bồi thường thiệt hại và án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Phạm Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, mức độ phạm tội của bị cáo thấp nhất so với các bị cáo khác trong vụ

án; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền bồi thường thiệt hại (theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm), bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ; có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Trong khoảng thời gian từ ngày 24-6-2020 đến ngày 08-8-2020, Nguyễn Văn V và Đoàn Văn B là công nhân kho nguyên liệu LCD của Công ty K đã lợi dụng sơ hở trong quản lý số lượng vật tư từ kho nguyên vật liệu LCD đến xưởng sản xuất SMT, đã nhiều lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty K, với tổng số tài sản bị chiếm đoạt là 20 cuộn linh kiện gồm 47.997 con chip IC mã 1203-008517; tổng trị giá là 936.085.000 đồng. Trước khi thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, V và B đã thỏa thuận trước với Nguyễn Văn T và Phạm Quang T là lái xe của Công ty về việc T, T có trách nhiệm cất giấu, vận chuyển linh kiện các bị cáo chiếm đoạt được ra khỏi Công ty, qua chốt trực bảo vệ sau đó giao lại cho V và B và được T, T đồng ý.

Đối với Phạm Quang T: khoảng 16 giờ 20 phút ngày 24-6-2020, B lén lút chiếm đoạt được 04 cuộn linh kiện chip IC có mã vật tư 1203-008517, với tổng số 10.000 con chip, có tổng trị giá là 195.030.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, do đã hứa hẹn trước với T nên B đưa số tài sản trên cho T vận chuyển ra khỏi Công ty K giao cho V đem đi tiêu thụ. Sau đó, V bán được số tiền 4.000.000 đồng, chia cho B 2.000.000 đồng và chia cho T 300.000 đồng. Trong vụ án này, các bị cáo V và B không sử dụng mã ID và mật khẩu do Công ty cấp cho các bị cáo nhập vào hệ thống đăng nhập để được xuất tài sản; các bị cáo đã lén lút sử dụng mật khẩu và ID của các công nhân khác nhập vào hệ thống đăng nhập để được xuất hàng hóa, chiếm đoạt tài sản của Công ty; trong trường hợp này, tài sản các bị cáo chiếm đoạt không phải do các bị cáo V, B được giao trực tiếp quản lý để lắp ráp linh kiện theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Phạm Quang T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 195.030.000 đồng; tuy nhiên, bị cáo Phạm Quang T phạm tội với vai trò đồng phạm, là người giúp sức; mức độ phạm tội của bị cáo là thấp nhất so với các bị cáo khác trong vụ án; bị cáo đã nộp lại số tiền được chiếm hưởng là 300.000 đồng; bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; chưa có tiền án, tiền sự; ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã 2 lần nộp tổng số là 66.547.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc (bao gồm tiền bồi thường, án phí), để thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại (theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm); bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hai con còn nhỏ (con thứ hai sinh năm 2021); bố mẹ sức khỏe yếu (bố bị bệnh cao huyết áp, tiểu đường, mẹ bệnh thận hư ...); bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo

phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú rõ ràng. Xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án trước và sau khi xét xử sơ thẩm (tình tiết mới); vai trò, mức độ phạm tội và nhân thân của người bị kết án; xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, cho bị cáo Phạm Quang T được hưởng án treo; thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng; giáo dục, cải tạo trong việc xử lý tội phạm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa Bản án số 36/2022/HS-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; các điều 17; 58 và 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo; xử phạt Phạm Quang T 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Quang T cho Ủy ban nhân dân xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo Phạm Quang T;
- Bị hại;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục T.H.A DS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam